

DIỄN ĐÀN TRAO ĐỔI

VIỆT NAM GIỮA MỸ VÀ TRUNG QUỐC: Phân tích lịch sử và chính trị tình hình địa chính trị hiện tại trong khu vực

“Nhiệm vụ chính là đảm bảo trong tương lai không một quốc gia hoặc liên minh các quốc gia nào có thể tập hợp sức mạnh địa chính trị nhằm đẩy Hoa Kỳ khỏi đại lục Á - Âu kể cả việc làm giảm đáng kể vai trò trọng tài quan trọng của chúng ta”

Zbigniew Brzezinski

GS. KOLOTOV V.N

*Trưởng đại học Tổng hợp quốc gia
Siant-Peterburg*

Ý nghĩa toàn cầu thực tế địa chính trị của khu vực Đông Á. Lịch sử vấn đề và hiện trạng

Hiện nay, mặc dù cuộc chiến tranh lạnh hai thập kỷ trước đã kết thúc, nhưng tình hình tại khu vực Đông Á vẫn còn khá căng thẳng, bởi lẽ các trò chơi địa chính trị toàn cầu và khu vực chưa có những thay đổi đáng kể.

Số phận lịch sử cho thấy, các cường quốc hàng hải đã đạt được rất nhiều quyền đặc biệt trong các vấn đề quốc tế, đã lợi dụng mâu thuẫn giữa các quốc gia lục địa để trục lợi cho mình. Ngay từ đầu thế kỷ hai mươi nhà phân tích quân sự Nga Alexander Vandam đã lưu ý “theo quan điểm của người Anh, thì các quốc gia lục địa được xếp hạng theo nguyên tắc "cân bằng quyền lực" đều

được coi là âm và dương làm tê liệt lẫn nhau và điều đó tạo điều kiện để nước Anh được tự do hành động trên khắp trái đất”⁽¹⁾.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nước Mỹ đã vũ trang cho mình bằng chiến lược thành công này, đã thực hiện sứ mệnh của mình không kém phần khéo léo so với người Anh trong những thế kỷ trước. Trong một cuốn sách của mình, Zbigniew Brzezinski đã viết: “Đại lục Á-Âu là bàn cờ mà cuộc đấu giành quyền thống trị toàn cầu vẫn đang tiếp tục”⁽²⁾.

Nhà khoa học chính trị Mỹ nổi tiếng cho rằng, đại lục Á-Âu, là phần lục địa quan trọng nhất của thế giới, và sự xuất hiện của bất kỳ lực lượng địa chính trị nào có thể thiết lập quyền kiểm soát của mình đối với đại lục

Á-Âu thì điều đó có nghĩa là vai trò toàn cầu sẽ được tự động chuyển sang cho thế lực đó – “... kiểm soát toàn bộ lục địa Á-Âu sẽ là nền tảng trung tâm nhằm thiết lập sự thống trị toàn cầu”⁽³⁾.

Theo Z. Brzezinski: “Hiện nay một quốc gia không phải Á-Âu đang đóng vai trò lãnh đạo tại đại lục Á-Âu và vai trò thủ lĩnh toàn cầu của Mỹ trực tiếp phụ thuộc vào việc ưu thế của Mỹ sẽ được duy trì bao lâu và hiệu quả thế nào tại lục địa Á-Âu”⁽⁴⁾.

“Về tổng thể thì sự hùng mạnh của đại lục Á-Âu vượt trội hơn nhiều so với sức mạnh của Hoa Kỳ. May mà đối với Hoa Kỳ, đại lục Á-Âu là quá lớn nên tại đó không có sự thống nhất về chính trị”⁽⁵⁾.

Thực tế này làm cho các chính trị gia phía bên kia đại dương, những người kiên trì theo đuổi truyền thống địa chính trị của những người tiền nhiệm tràn đầy lạc quan. Chính vì vậy, Washington coi sự xuất hiện của khối Trung-Xô vào giữa thế kỷ XX là mối đe dọa chính cho việc hiện thực hóa tham vọng toàn cầu của Hoa Kỳ. Trong sự hình thành trật tự thế giới lưỡng cực sau chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Đông Á, theo Zbigniew Brzezinski, đã trở thành “mặt trận chiến lược phía Đông”⁽⁶⁾, mà vào thời đó tại Đông Á, mặt trận này đã chạy từ Triều Tiên bị phân chia, qua Trung Quốc bị phân chia, đến Việt Nam bị phân chia.

Trong cuốn sách "Bàn cờ lớn", Zbigniew Brzezinski đã hoàn toàn đúng đắn chỉ rõ chính sách ngăn chặn ảnh hưởng của khối Trung-Xô trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. “Về địa chính trị, cuộc xung đột chủ yếu diễn ra ở ngoại vi đại lục Á-Âu. Khối Nga-Trung đã kiểm soát phần lớn đại lục Á-Âu nhưng lại không kiểm soát được phần ngoại

vi của đại lục này. Bắc Mỹ đã thành công trong việc củng cố vị thế của mình tại cả vùng bờ biển phía Tây lẫn bờ biển phía Đông của lục địa Á-Âu rộng lớn”⁽⁷⁾.

Trong các chính sách kiềm chế khối Xô - Trung có hai nhân tố chính quyết định kết quả của cuộc chiến tranh lạnh:

1) Chia rẽ khối Trung-Xô

2) Sử dụng vùng ngoại vi nhằm duy trì căng thẳng trong toàn bộ đại lục Á-Âu.

Về nhân tố đầu tiên cần lưu ý rằng, có thể coi sự chia rẽ khối Trung-Xô là một trong những sai lầm lớn nhất của lãnh đạo hai nước Trung- Xô, mà đến giờ và còn lâu dài hơn sau này nữa chúng ta vẫn cảm nhận được những hậu quả bi thảm của nó

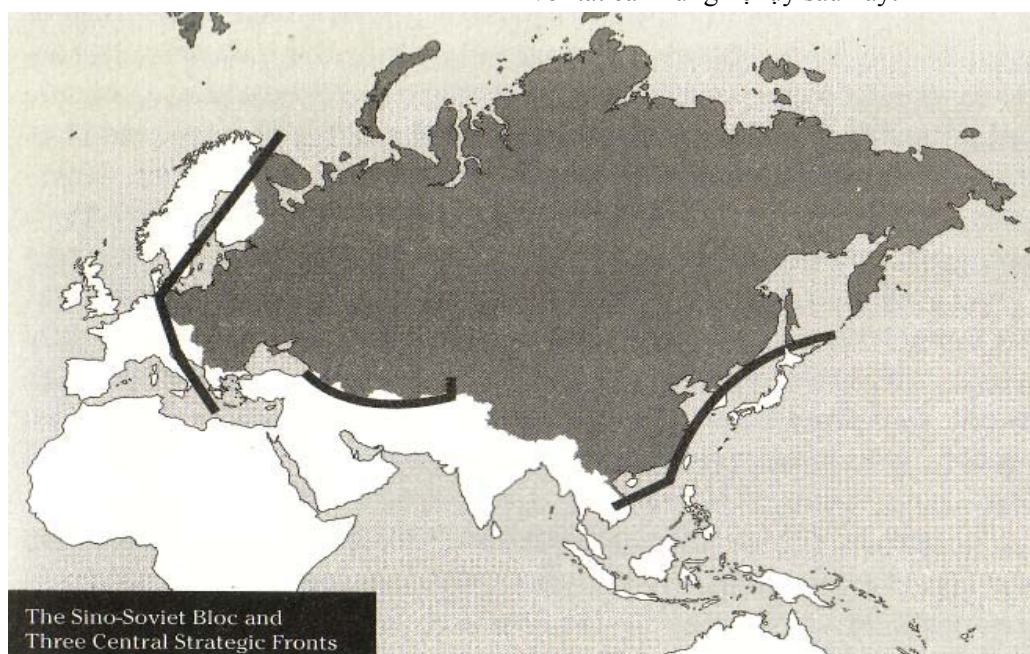
Trong việc chia rẽ khối Trung-Xô, trước hết lỗi lầm là của các nhà lãnh đạo của cả Liên Xô lẫn Trung Quốc. Họ đã đặt tham vọng cá nhân lên trên lợi ích quốc gia. Tiếp theo là vai trò của Mỹ, nước đã tích cực làm mọi thứ có thể để phá vỡ mối quan hệ Xô-Trung và nhằm củng cố vị thế đã đạt được. Vào những năm 1970, khi thấy không còn hy vọng ở chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã chuyển từ chính sách ngăn chặn kép (Liên Xô và Trung Quốc) sang thực hiện chính sách chỉ ngăn chặn Liên Xô và bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc trên cơ sở chống Liên Xô. Theo Brzezinski, “Liên minh do Mỹ dẫn đầu đã duy trì được sự thống nhất, trong khi khối Trung-Xô thì bị sụp đổ trong vòng chưa đầy hai thập kỷ”⁽⁸⁾.

Thực tế là trước khi chấm dứt sự tồn tại của mình, khối Trung-Xô hoàn toàn khác với khối thân Mỹ. Lý do là một đối tác trong khối mạnh như Trung Quốc, là quá lớn và Liên Xô không đủ các nguồn lực cần thiết, và cũng không muốn đối xử với Trung Quốc

giống như Mỹ đối xử với các đối tác của mình, là những đối tác yếu hơn nhiều so với thủ lĩnh của họ.

Theo Z. Brzezinski: “Nỗ lực thành công ngăn chặn khối Á-Âu của Bắc Mỹ nhằm thiết lập sự thống trị lâu dài trên toàn bộ đại lục Á-Âu, cho đến cùng cả hai bên đều kiểm chế đối đầu quân sự trực tiếp, vì lo sợ một chiến tranh hạt nhân, đã dẫn đến một thực tế là cuộc cạnh tranh đã kết thúc bằng những biện pháp phi quân sự”⁽⁹⁾.

"Ngoại vi", đặc biệt trên mặt trận phía Đông và phía Nam trong cuộc chiến tranh lạnh, đã đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong các chính sách kiềm chế các cường quốc Á-Âu. Mỹ kiên trì xây dựng các tiền đồn ngăn chặn ở ngoại vi, nhằm duy trì sự căng thẳng tại đại lục Á-Âu, gây mất ổn định, và đồng thời lợi dụng một cách khôn khéo những mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc. Tất cả điều đó đã đóng vai trò quyết định làm khối Xô-Trung sụp đổ cùng với tất cả những hệ lụy sau này.



Bản đồ của Z. Brzezinski. Khối Xô -Trung và ba mặt trận chiến lược trung tâm⁽¹⁰⁾

Cuộc đối đầu địa chính trị trong khu vực Đông Á

Lịch sử đối đầu địa chính trị ở Đông Á là một vấn đề vô cùng lý thú cả từ quan điểm khoa học thuần túy lẫn quan điểm thực tiễn. Thông thường người ta thường chú ý đến vai trò của các nước lớn như: Trung Quốc và Nhật Bản, thật đáng tiếc, chúng thường che

lấp mắt các nước nhỏ mà những độc giả thiếu kinh nghiệm thường coi là những nước thiếu ý chí và chỉ giữ vai trò là công cụ để nước khác thực hiện các dự án địa chính trị.

Với cách tiếp cận này, dường như các nước nhỏ không đóng vai trò đáng kể nào trong chính trị khu vực và không gây được sự chú ý của giới khoa học. Tuy nhiên, cần

lưu ý đến một thực tế là trong suốt thế kỷ XX, cả các cường quốc toàn cầu lẫn khu vực đều rất tích cực lợi dụng các quốc gia nhỏ trong khu vực, không chỉ như những "con tốt" trong "bàn cờ" địa chính trị khu vực, mà còn tích cực tranh giành sự ủng hộ của các nước này. Trong bài viết này, chúng tôi muốn chứng tỏ vai trò của Việt Nam với tư cách là một đối trọng khu vực đặc biệt, nước đã, đang và sẽ đóng vai trò quan trọng trong cân bằng lực lượng địa chính trị trong khu vực. Vai trò này của Việt Nam phản ánh những lợi ích toàn cầu.

Sự bành trướng của Trung Quốc tại Đông Nam Á. Phản ứng của Trung Quốc trước nhân tố Việt Nam trong thế kỷ XX

Vào nửa sau thế kỷ XX, Bắc Kinh đã nhiều lần cố gắng củng cố vị thế của mình trong khu vực Đông Á, trước hết là tại Đông Nam Á. Nhiều lần Bắc Kinh cố thiết lập các hệ thống kiểm soát khác nhau đối với các quốc gia và các vùng lãnh thổ. Chưa ai quên sự kiện nổi tiếng ở Indonesia năm 1965, với cuộc tàn sát đẫm máu của Trung Quốc. Năm 1969, nỗ lực tiến lên phía Bắc đã kết thúc bởi cuộc xung đột quân sự với Liên Xô. Năm 1974, lợi dụng cơ hội khi các lực lượng vũ trang miền Bắc Việt Nam tiến hành tổng tiến công giải phóng miền Nam Việt Nam vào mùa xuân năm 1975, một đơn vị quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc đã đánh chiếm Hoàng Sa (ngày 19/1/1974), vào thời điểm đó, do quân đội Việt Nam cộng hòa nắm giữ. Cũng vào năm 1975, một cuộc đảo chính đã diễn ra tại Campuchia, kết quả là một nhóm những người Cộng sản Campuchia thân Bắc Kinh do Pol Pot cầm đầu đã giành được chính quyền.

Ngay sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Trung Quốc đã tranh thủ chơi ván bài trong khu vực và lợi ích của Trung Quốc là ở chỗ nước này lợi dụng chế độ đồng minh tại các quốc gia phía Đông bị chia cắt vì lợi ích của mình. Trung Quốc không muốn Triều Tiên và Việt Nam thống nhất dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ, vì điều đó có nghĩa là các chế độ thân Mỹ sẽ xuất hiện ngay biên giới với Trung Quốc và chính sách của các chế độ này sẽ gây bất ổn cho tình hình ở Trung Quốc. Mặt khác, Trung Quốc còn ghen tỵ trước việc các nước này hợp tác với Liên Xô. Trung Quốc rất muốn có các nước láng giềng suy yếu bởi những cuộc đấu tranh nội bộ hơn là các nước mạnh mẽ và độc lập, đầy quyết tâm và mong muốn bảo vệ lợi ích quốc gia của mình.

Theo các nhà nghiên cứu Việt Nam, Trung Quốc không muốn miền Bắc Việt Nam giải phóng miền Nam Việt Nam do Mỹ bảo trợ. Theo quan điểm của Trung Quốc, một miền Bắc Việt Nam (nước Việt Nam dân chủ cộng hòa) suy yếu sẽ thuận lợi hơn là một Việt Nam thống nhất dưới sự bảo trợ của Việt Nam vì với kịch bản này ảnh hưởng Xô-Việt sẽ được tăng cường tại biên giới miền Nam Trung Quốc, và sự xuất hiện một Việt Nam thống nhất đương nhiên có nghĩa là Việt Nam sẽ tăng cường quyền kiểm soát phía Đông Đông Dương và Trung Quốc không hề muốn điều này. Với cách đánh giá tình hình theo quan điểm cạnh tranh toàn cầu và khu vực như vậy, Trung Quốc đã khuyến khích Khmer Đỏ thân Bắc Kinh thiết lập quyền kiểm soát Campuchia nghiêm ngặt hơn ngay sau khi Việt Nam thống nhất vào năm 1975. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, trên thực tế, chế độ

Pol Pot, là chế độ bảo hộ của Trung Quốc⁽¹¹⁾. Điều này dẫn đến sự đàn áp tàn độc nhất tại Campuchia, hậu quả là từ đó đến nay đất nước này chưa thể phục hồi. Sau khi nắm quyền, Khmer Đỏ đã tiêu diệt hầu hết tầng lớp có học và phá hủy toàn bộ nền kinh tế quốc gia, biến đất nước thành một địa bàn thử nghiệm chủ nghĩa Mao trong bối cảnh của các chiến dịch lớn chống Việt Nam, và làm cho tình hình an ninh biên giới Campuchia-Việt Nam thêm căng thẳng. Quân Khmer Đỏ xâm chiếm lãnh thổ Việt Nam, giết chết dân thường hay bắt bớ họ đưa sang Campuchia. Không thể chịu đựng tình trạng này, Việt Nam buộc phải đưa quân vào Campuchia tiêu diệt binh lính Khmer Đỏ tại các tỉnh Tây Bắc Campuchia, bằng cách đó ngăn chặn nạn diệt chủng đối với dân tộc Khmer. Điều quan trọng cần lưu ý là phương Tây thường lớn tiếng bảo vệ nhân quyền đã lên án Việt Nam đã vi phạm nghiêm trọng về nhân quyền ở Campuchia, bởi lẽ căng thẳng leo thang tại "mặt trận chiến lược phía Đông" đã đáp ứng lợi ích lâu dài của họ.

Sau khi chế độ Pol Pot bị Hà Nội tiêu diệt, Bắc Kinh đã thực hiện một bài học lịch sử lâu đời thông qua quyết định trừng phạt Việt Nam cứng đầu và quân đội Trung Quốc đã vượt qua biên giới Trung-Việt. Trong tình thế này Liên Xô ủng hộ Hà Nội và trong khi đại diện của hai nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất trong khu vực đang tiến hành các cuộc chiến đấu đẫm máu tại vùng rừng núi biên giới Việt Nam-Trung Quốc, còn cường quốc xã hội chủ nghĩa thứ ba đang cố gắng ngăn chặn cuộc bạo lực vô nghĩa này thì các thế lực bên kia đại dương lại hài lòng theo dõi cuộc xung đột phát triển bi hài như thế nào và sự sụp đổ tiếp theo của khối Trung-Xô ra

sao, mà trong trường hợp cân bằng quyền lực diễn ra khác đi thì khối này có thể là một mối đe dọa đến lợi ích quốc gia của Hoa Kỳ theo cách diễn giải của Zbigniew Brzezinski.

Vào thời điểm đó, cả Trung Quốc và Mỹ, đã rất nỗ lực đạt được mục tiêu hạn chế ảnh hưởng Xô-Việt trên bán đảo Đông Dương. Ngoại trưởng Henry Kissinger nói, "Tất cả những gì giúp kiềm chế Việt Nam – đều tốt" ... Kissinger dự đoán rằng trong 15 năm tiếp theo chính sách của Mỹ sẽ bao gồm: Ủng hộ các nhân vật chống Việt Nam tại Campuchia, thậm chí nếu điều đó có nghĩa là ủng hộ cho các phần tử Khor-me Đỏ "khó chịu"⁽¹²⁾.

Đánh giá chính sách của Hoa Kỳ trong những năm đó tại "mặt trận chiến lược phía Đông", một trong những chuyên gia nổi tiếng của Mỹ cho biết: "Đường như chính sách của Mỹ chỉ dựa trên những tính toán theo kiểu chính sách thực dụng, bao gồm việc muốn chơi con bài Trung Quốc trong trận chiến chiến lược chống Liên Xô"⁽¹³⁾. Đây là một trích dẫn thêm từ cùng một nguồn, "Brzezinski muốn liên minh với Trung Quốc và Campuchia để gây áp lực chống Liên Xô"⁽¹⁴⁾.

Chỉ vài thập kỷ sau, một đại diện cấp cao thuộc chính quyền Hoa Kỳ đã có đủ can đảm thừa nhận rằng, kế hoạch Trung-Xô thâm hiểm, dựa theo lý thuyết domino và các ý kiến của Mỹ về việc cuộc leo thang ở Đông Nam Á của cộng sản dường như đã được lên kế hoạch từ trước vào những năm đó đều là sai lầm. Robert McNamara, đặc biệt, ghi nhận: "Khi đó chúng ta đã đánh giá nhầm và hiện nay chúng ta cũng đang đánh giá không chính xác ý định địa chính trị của các đối thủ của chúng ta (trong trường hợp này, là miền Bắc Việt Nam và Việt cộng, được Trung

Quốc và Liên Xô ủng hộ), và chúng ta đã thổi phồng sự nguy hiểm của họ đối với Mỹ⁽¹⁵⁾. Như vậy, có thể thấy rằng, hiện chưa có một ai có thể chứng minh rằng, những đánh giá hiện tại của Mỹ về "chính sách xâm lược của Trung Quốc" đối với Đông Nam Á có đúng với sự thật hay không.

Chính sách tích cực được Trung Quốc thực hiện trong những năm 1970-1980 tại Trung Á cũng đáng được quan tâm. Trên "mặt trận phía Nam"⁽¹⁶⁾, đi qua Afghanistan, Trung Quốc duy trì phòng tuyến chiến lược, rõ ràng là muốn hỗ trợ các phần tử Mujahideen kiềm chế Liên Xô gia tăng ảnh hưởng trong khu vực. Vào thời đó Trung Quốc hiểu rằng, câu trả lời cho câu hỏi: Nước nào sẽ có lợi hơn tại Afghanistan: Liên Xô đã bị kiệt quệ hay các căn cứ quân sự Mỹ nhất định xuất hiện tại đó khi Liên Xô rút khỏi đây chính là Washington. Hiện nay, sau khi Liên Xô rút khỏi Afghanistan và rất nhiều căn cứ quân sự Mỹ xuất hiện tại đây thì những hậu quả trực tiếp của chính sách Afghanistan trong những năm 1980 của Bắc Kinh là sự xuất hiện của một núi vấn đề phải đối mặt với chủ nghĩa ly khai và sự bất ổn tại các tỉnh miền Tây Trung Quốc, cũng như phải đối mặt với nạn buôn bán ma túy cùng với tất cả những hệ lụy kéo theo. Việc thay đổi trong định hướng địa chính trị của các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ ở Trung Á, diễn ra trong "cuộc cách mạng màu" như một hệ quả của các quá trình mô tả ở trên là gợi ý đúng đắn cho sự lựa chọn của Trung Quốc vào cuối thế kỷ trước trên mặt trận chiến lược phía Nam. Tuy nhiên, bất chấp những phân tích quan trọng của giải pháp đã được thực hiện trong thời gian gần đây, hậu quả của nó, một cách khách quan,

vẫn tiếp tục tác động đến thực tế của tình hình địa chính trị hiện nay xung quanh Trung Quốc.

Từ những phân tích trên có thể rút ra kết luận về quan điểm tích cực của Trung Quốc, sự linh hoạt nắm bắt tình huống và sẵn sàng cùng một lúc áp dụng một loạt các chiến thuật và chiến lược để đạt được những mục tiêu chính sách đối ngoại của họ.

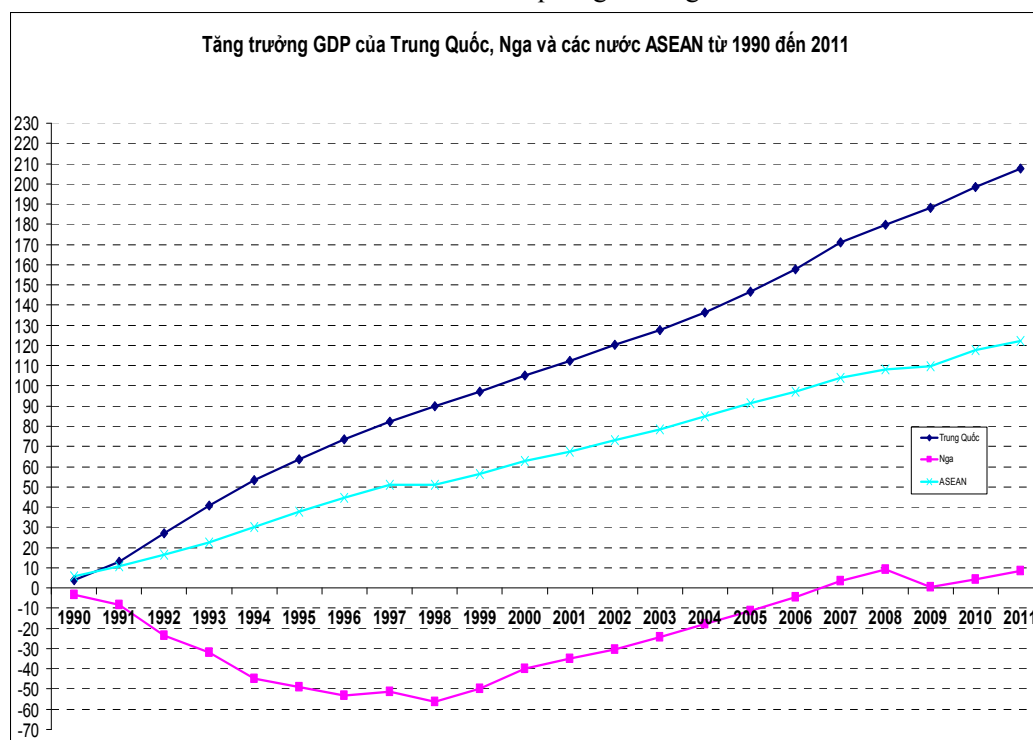
Tình hình ở Đông Á vào đầu thế kỷ. Trung Quốc ở Đông Nam Á

Tình hình địa chính trị toàn cầu và khu vực được miêu tả ở trên đã hình thành nên mô hình chính sách đối ngoại sau – các cường quốc thường dựa vào những xung đột của các đối thủ địa chính trị của họ để đảm bảo an ninh, cũng như thực hiện chính sách nhằm gây bất ổn từ bên trong của các đối thủ này. Nhưng cũng không nên quên rằng có sự đan xen của những nỗ lực thuộc hoạt động gây mất ổn định này theo chiều ngược lại. Nước nào khéo léo hơn tạo ra những thách thức bên ngoài và nội bộ cho đối thủ cạnh tranh của mình, thì nước đó sẽ tạo cho mình những điều kiện thuận lợi và an ninh hơn, còn nước nào tạo ra các điều kiện để các nước láng giềng của mình có cuộc sống yên bình và thoải mái thì trong tương lai sẽ là nước tự đào hố chôn mình, bởi lẽ, sau khi các nước láng giềng mạnh lên họ sẽ bắt đầu thực hiện chính sách gây bất ổn đối với nước láng giềng tốt bụng của họ. Cần chú ý đến chính sách cô lập địa chính trị đối với các đối thủ đã bị tổn thương, phá hoại kinh tế, gây bất ổn, kích động xung đột sắc tộc và tôn giáo, và thực thi các chương trình dài hạn khác nhằm gây khó khăn hết mức cho đối thủ địa chính trị tiềm năng khôi phục sức mạnh trước đây.

Đây chính là những gì đã xảy ra sau sự tan rã của Liên Xô. Biểu đồ dưới đây chỉ rõ sự tăng trưởng GDP của Nga, Trung Quốc và các nước ASEAN từ năm 1990 đến năm 2009. Một cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng đã diễn ra ở Nga, dưới thời Yeltsin, GDP của Nga đã giảm đều đặn, cùng với tất cả những hậu quả kéo theo: Tội phạm xã hội, tham nhũng, dân số suy giảm, quân đội tan rã, hệ thống giáo dục và y tế yếu kém, gia tăng căng thẳng và xung đột. Hậu quả địa chính trị của thời kỳ "cải cách", là ảnh hưởng trước đây của Nga trên trường quốc tế nói chung và trong khu vực Đông Á nói riêng bị suy giảm. Chỉ sau khi Vladimir Putin lên nắm quyền, GDP của Nga mới tăng

trở lại và đến cuối năm 2006 đạt mức của năm 1990.

Trong khi đó, châu Á đạt mức tăng trưởng kinh tế chưa từng có. Trung Quốc tăng trưởng nhanh nhất và dần dần trở thành đầu tàu trong khu vực, có khả năng đảm bảo sự phát triển cho các quốc gia nhỏ hơn trong khu vực. Trong những năm 1990, Bắc Kinh, trong chiến lược địa chính trị khu vực đã chuyển trọng tâm chính vào hợp tác kinh tế với các nước Đông Nam Á, và trong lĩnh vực này đạt được thành công ấn tượng, trong đó, đặc biệt, được thể hiện trong việc xây dựng khu vực thương mại tự do với các nước ASEAN vào tháng 1-2010, bao gồm 10 quốc gia Đông Nam Á.



Sau khi Liên Xô tan rã, Đông Á đã trở thành ngoại vi lợi ích của các đầu thủ địa chính trị lớn, là những quốc gia đang chia phần chiến lợi phẩm từ đối thủ bị thương.

Do vậy, các nước Đông Nam Á nói chung có rất ít cơ hội lịch sử để có thể sử dụng một cách khôn ngoan. Trong khoảng thời gian tương đối ngắn, khi chiến tranh lạnh đã kết

thúc, còn thể giới đơn cực chưa xuất hiện, thì toàn bộ khu vực nói chung đã có những bước đột phá về kinh tế, và để lại những hậu quả địa chính trị sâu rộng.

Mười nước Đông Nam Á gia nhập khối ASEAN, và mặc dù có sự khác biệt đáng kể về chế độ chính trị nhưng đã thực sự tăng cường hội nhập khu vực, và tất nhiên điều đó đã ảnh hưởng đến những tham vọng chính trị của các nước đứng đầu khu vực. Thời đó mọi người đều biết đến những bài phát biểu nổi tiếng của Suharto, Mohathira Mohammad, Lý Quang Diệu, những bài phát biểu đã làm cho Washington không giấu được sự bất bình.

Nhà tài chính Mỹ George Soros, đã đánh giá tình hình ở Đông Nam Á và sự tự tin của các nhà lãnh đạo chính trị địa phương trước khi cuộc khủng hoảng tài chính diễn ra vào cuối năm 1990: “Mô hình châu Á đã chứng tỏ là chiến lược phát triển kinh tế rất thành công, giới kinh doanh đánh giá rất cao mô hình này. Nó giúp gia tăng đáng kể mức sống người dân, tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người trung bình suốt trong một thời gian dài là 5,5% mỗi năm - nếu so sánh trong một thời gian dài, thì chẳng có nơi nào trên thế giới đạt được điều này. Vì vậy, ngay cả khi cuộc khủng hoảng đã bắt đầu, lãnh đạo các nước châu Á như Lý Quang Diệu ở Singapore, Suharto ở Indonesia và Mohathir ở Malaysia, đã tự hào tuyên bố rằng giá trị châu Á vượt trội hơn so với giá trị phương Tây. Hơn nữa, họ còn nghi ngờ những giá trị được ghi trong Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên hợp quốc. Lý Quang Diệu đề cập đến sự suy giảm của các nền dân chủ phương Tây, Mohathir đã kích

chủ nghĩa thực dân mới, còn Suharto thì tán dương ưu thế của gia đình trị. Tháng 6-1997, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) đã tiếp nhận thêm một thành viên mới là Myanmar (Miến Điện), đó là thách thức trực tiếp tới nền dân chủ phương Tây mà theo quan điểm của họ thì cả về chính trị lẫn nhân đạo, chế độ đàn áp của Myanmar là không thể chấp nhận được. (Sự lên án công khai của tôi về quyết định này của ASEAN đã bị Mohathira phê phán kịch liệt)⁽¹⁷⁾.

Các nhà kinh tế học của Nga là A.B. Kobyakov và M.L. Khazin, khi mô tả tình trạng các thị trường tài chính toàn cầu thời kỳ đó, nhấn mạnh: “Chính vì các ngân hàng quốc tế (chủ yếu là đầu tư) có trụ sở tại Hoa Kỳ, là nền tảng xây nên kim tự tháp tài chính, nên các ngân hàng này đã trở thành nạn nhân của cuộc khủng hoảng. Trong đó nghĩa vụ tài chính và những đồng đô la bị đem khỏi nước Mỹ có thể làm sụp đổ hoàn toàn toàn bộ hệ thống tài chính của Mỹ⁽¹⁸⁾. Và Hoa Kỳ không muốn để điều đó diễn ra, nên các nước Đông Nam Á đã bị đánh. Hệ thống được bố trí với "van an toàn" để xả "hơi" mà các nước "ngoại vi" sẽ đóng vai trò là chiếc van an toàn đó. Khi đó "Trung tâm" sẽ được an toàn.

Nếu xem xét cuộc khủng hoảng châu Á trong bối cảnh toàn cầu, chúng ta sẽ có được một bức tranh như sau. Theo M.L. Khazin và A.B. Kobyakov “vào giữa những năm 1990... Đông Nam Á trở thành vấn đề chính.... những dòng chảy tài chính chủ yếu từ "nền kinh tế mới" đều tập trung vào chính Đông Nam Á và điều đó tạo điều kiện để bắt đầu từ những năm 1980, khu vực này có

thể thực hiện được bước đột phá lớn về kinh tế. Và đối với nền kinh tế Mỹ, tình hình này là một mối nguy hiểm bởi lẽ một trong những nguyên tắc cơ bản, là cơ sở của cơ chế kinh tế sau chiến tranh đã bị vi phạm: Thị trường tài chính đáng tin cậy nhất và đem lại lợi nhuận cao nhất thế giới phải ở trong nước Mỹ.

Để giải quyết vấn đề này, lần cuối cùng Mỹ đã áp dụng hiệu quả đòn bẩy kinh tế (chứ không phải là lực lượng quân sự): Mùa Thu năm 1997 những đồng tiền của các quốc gia Đông Nam Á đã bị sụp đổ. Nhưng chính khi đó và cho đến nay công cụ vạn năng này đã lần đầu tiên tỏ ra không tác dụng – nó không thể làm sụp đổ nền kinh tế của Trung Quốc. Tuy nhiên, Mỹ đã giải quyết được vấn đề chính ...: sự chắc chắn của thị trường tài chính khu vực Đông Nam Á đã bị giảm mạnh, và lợi nhuận của các thị trường này bị giảm đáng kể. Còn đối với thị trường Trung Quốc, chúng hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của nhà nước cộng sản, mà những hành động của Trung Quốc ít liên quan nhất đến lợi ích của Hoa Kỳ⁽¹⁹⁾.

Theo A.B. Kobayakov và M.L. Khazin “Mỹ đã giáng đòn đầu tiên vào các nền kinh tế Đông Nam Á vào những năm 1997-1998. Mỹ phải ngăn chặn sự phát triển năng động của khu vực này, một sự phát triển đã làm nghi ngờ về tính ưu việt toàn cầu của Mỹ. Trước hết, sự nguy hiểm là ở chỗ sự gia tăng phúc lợi của người dân trong khu vực này tạo điều kiện để khu vực có thể trở thành khu vực "tự cung tự cấp", và nhu cầu nội khối sẽ dần dần lấn át xuất khẩu của Mỹ và các nước Đông Nam Á sẽ có thể "thoát khỏi" "vòng kiểm tỏa" của Mỹ... Vì vậy, đòn giáng

chỉ là "đòn chém gió". Cần lưu ý rằng đòn này đã không được thực hiện đến cùng, vì Trung Quốc, không thể nào chấp nhận được chính sách này, nên đã giáng đòn phản công mãnh liệt vào người Mỹ⁽²⁰⁾.

Theo quan điểm của nhà phương Đông học có uy tín người Nga là D.V. Mosyakov thì kết quả của các quá trình được mô tả ở trên là: “Trong cuộc khủng hoảng, niềm tin vào phương Tây của giới tinh hoa các nước Đông Nam Á đã phải chịu một áp lực lớn bởi lẽ niềm tự hào của họ đã bị làm tổn thương bởi chế độ độc tài trắng trợn phương Tây mà IMF là cơ quan đại diện⁽²¹⁾”.

Trong và sau cuộc khủng hoảng “giới cầm quyền các nước ASEAN bắt đầu thể hiện chủ nghĩa dân tộc Đại Á và thái độ chống phương Tây công khai⁽²²⁾”. Và sự thể hiện này đều dưới những hình thức mạnh mẽ, bằng chứng là các nhà lãnh đạo chính trị nhiều quốc gia Đông Nam Á đã có rất nhiều những tuyên bố mạnh mẽ.

Tình thế tại Đông Nam Á đã phát triển theo chiều hướng là cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu chuyển sang khủng hoảng kinh tế, còn khủng hoảng kinh tế lại chuyển sang khủng hoảng chính trị, trong đó giới thượng lưu "táo bạo" trong khu vực đã được thay thế bởi các chính trị gia có tính xây dựng hơn, đó là các chính trị gia thân Mỹ. Kết quả của cuộc khủng hoảng là một số nhà lãnh đạo buộc phải ra đi. Điều này diễn ra tại Thái Lan, Indonesia, và Philippines. Tình hình chính trị ở Miến Điện, Việt Nam và Malaysia vẫn không bị ảnh hưởng. Nhưng Mỹ không thay đổi được chiều hướng chính trị của sự phát triển trong khu vực. Cuộc khủng hoảng đã tạo thêm nhiều tuyên bố

chống Mỹ triệt để hơn, và thay vì thay đổi giới tinh hoa trong khu vực, thì Hoa Kỳ lại phải đối đầu với một nhóm nước ASEAN đoàn kết chặt chẽ hơn trước đó và đề đối đầu với Hoa Kỳ nhóm này bắt đầu tìm kiếm một đầu tàu khu vực mạnh mẽ hơn, có đủ khả năng bảo vệ họ chống lại áp lực từ phía Hoa Kỳ và tạo những điều kiện thuận lợi hơn cho các nước Đông Nam Á phát triển. Trung Quốc là nước đứng ra lãnh trách nhiệm này. Trong thời gian khủng hoảng, Trung Quốc đã chứng tỏ vai trò tích cực hỗ trợ cho một số nước Đông Nam Á. Hóa ra thay vì muốn trừng phạt các nước Đông Nam Á, chỉ cho họ thấy vị trí đích thực của họ trong phân công lao động quốc tế, trên thực tế nước Mỹ chỉ đạt được một số mục tiêu của mình, các nước Đông Nam Á đã "được đặt đúng chỗ", nhưng từ những gì đã diễn ra, nước Mỹ đã rút ra được nhiều bài học. Kết quả của cuộc khủng hoảng là vị thế chính trị của Trung Quốc trong khu vực được tăng cường và các nước Đông Nam Á lại đoàn kết xung quanh một thủ lĩnh khu vực mới, nước sẵn sàng tuyên bố và theo đuổi một chính sách có lợi hơn cho các nước Đông Nam Á.

Như vậy, mặc dù chủ động gây ra cuộc khủng hoảng, nhằm định dạng lại khu vực Đông Nam Á theo mong muốn của mình, song nước Mỹ lại phải đối mặt với một khu vực tăng cường hơn tốc độ hội nhập khu vực với khuynh hướng chống Mỹ và đoàn kết xung quanh Trung Quốc. Điều này liên quan đến dự án thành lập khu vực tự do thương mại Trung Quốc - ASEAN, đi vào hoạt động năm 2010 và dự án thiết lập đơn vị tiền tệ châu Á (ACU), đang được thảo luận ở các cấp độ khác nhau.

Đánh giá triển vọng của tình hình địa chính trị hiện nay trong khu vực, chúng ta có thể nhận thấy sự tăng trưởng kinh tế ấn tượng, cả ở Trung Quốc lẫn ở Đông Nam Á, mà trong một thời gian tương đối ngắn đã cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống ở các quốc gia của mình, cũng như đã tạo ra một nhu cầu thanh toán nội bộ. Khi đánh giá các cơ hội giả định về sự liên kết giữa Trung Quốc và Đông Nam Á chúng ta có thể nhận thấy các thông số như gần 2 tỷ người, và tổng lượng GDP vào khoảng 13 tỷ USD (PPP). Tất nhiên, trong tương lai gần sự xuất hiện của khối này có những hệ lụy địa chính trị sâu rộng trong khu vực Đông Á, chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến Đài Loan, Nhật Bản, và Hàn Quốc với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc và các căn cứ quân sự của Mỹ trong khu vực này sẽ bị loại bỏ. Tuy nhiên, vẫn còn quá sớm để nói rằng, Đông Nam Á đã trở thành khu vực thân Bắc Kinh. Chúng ta vẫn thấy nhìn chung sự hiện diện quân sự của Mỹ trong khu vực vẫn đang được duy trì. Bắc Kinh coi các căn cứ quân sự của Mỹ là các căn cứ quân sự nhằm vào Trung Quốc. Trung Quốc đang nằm trong chiếc "vòng kim cô" của các cuộc xung đột tiềm năng và âm mưu cả trong lãnh thổ của mình cũng như tại các nước láng giềng, nếu như bị kích hoạt đồng thời sẽ có thể chôn vùi tất cả các kế hoạch hiện đại hóa và xây dựng khu vực ảnh hưởng của mình trong khu vực đầy tham vọng của Trung Quốc. Chúng ta sẽ không quên một thực tế là có những nước muốn đảm bảo an ninh của mình bằng việc xâm hại an ninh của các quốc gia khác

Nghịch lý của tình hình hiện nay trong khu vực Đông Á là ở chỗ, một mặt, một số

nước châu Á muốn tiếp tục đảm bảo sự hiện diện quân sự của Mỹ nhằm duy trì sự ổn định trong khu vực, mặt khác, họ lại quan tâm đến sự phát triển nền kinh tế Trung Quốc có thị trường đầu ra cho sản phẩm của mình. Nên nhớ rằng, sự hiện diện quân sự của Mỹ đã có từ thời kỳ chiến tranh lạnh, và sự hiện diện này phản ánh sự cân bằng lực lượng nhất định vào thời điểm đó. Sự phát triển năng động của Trung Quốc sẽ thay đổi đáng kể cán cân này. Trong tương lai gần, sự tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc sẽ làm thay đổi cán cân lực lượng trong khu vực, và sẽ đem lại những hậu quả kinh tế và chính trị sâu rộng, chống lại sự hiện diện quân sự của Mỹ với tất cả những hậu quả tiếp theo của sự hiện diện này. Trong bối cảnh này, triển vọng tương lai của hội nhập khu vực trở nên rất chắc chắn. Hoàn toàn có thể diễn ra phương án hình thành song song cả hai dự án hội nhập cạnh tranh với nhau: Dưới sự bảo trợ của Bắc Kinh và của Washington mà trong tương lai có thể dẫn đến một sự phân cực của các nước Đông Nam Á phụ thuộc vào hai trung tâm quyền lực này, và trong trường hợp xấu nhất có thể dẫn đến sự bất ổn trong khu vực. Nếu như, sau sự kiện Liên Xô sụp đổ, vị trí ngoại vi của khu vực trong nền chính trị thế giới đã tạo điều kiện để các nước nhỏ hơn ở Đông Nam Á nói chung có vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập khu vực, thì hiện nay, với sự phát triển của Trung Quốc và những mong muốn duy trì sự cân bằng quyền lực được thiết lập trong quá khứ của Hoa Kỳ thì không gian hoạt động cho các nước Đông Nam Á đã bị thu hẹp đáng kể. Chúng ta chưa quên, “ba điều luật địa chiến lược đế quốc

lớn” do Z. Brzezinski đề xướng mà nội hàm của nó là “ngăn chặn sự thông đồng và duy trì sự phụ thuộc an ninh giữa các chư hầu, duy trì sự thuần phục và bảo vệ kẻ hèn mọn, cũng như ngăn chặn không để các nước mọi rợ liên kết lại với nhau”⁽²³⁾. Theo logic này, thì khả năng “các nước mọi rợ liên kết lại với nhau” dưới sự bảo trợ của một cường quốc châu Á nào đó sẽ bị Washington coi như một mối đe dọa cho an ninh quốc gia của Mỹ, với tất cả những hậu quả kéo theo và sẽ xem xét việc sử dụng các hệ thống hiện có của các hiệp định song phương về an ninh. Cần đặc biệt chú ý các từ ngữ “duy trì sự phụ thuộc an ninh giữa các chư hầu”, (“maintain security dependence among the vassals”), có nghĩa là đảm bảo duy trì sự phụ thuộc của các nước chư hầu nhằm đảm bảo an ninh. Nói cách khác, thách thức chính tại Đông Á là ngăn chặn các nước “mọi rợ” không thể tự đảm bảo an ninh và bằng mọi cách kìm giữ sự phụ thuộc của chúng theo tình trạng hiện tại. Cần nhớ lại là, khu vực Đông Á rất đa dạng về chính trị, văn hóa và tôn giáo, và đây là những điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các đồng minh và liên minh nhằm ngăn chặn các “mối đe dọa” của một đối thủ địa chính trị có thể xuất hiện.

Ngay cả các nhà phân tích phương Tây cũng nói rằng “một phản ứng kích động truyền thống, luôn bị phương Tây coi là sự xuất hiện của một lực lượng bên ngoài hùng mạnh”⁽²⁴⁾. Không còn gì dễ tranh cãi về sự đúng đắn của khẳng định này. Hiện nay, chúng ta có thể thấy trong báo chí phương Tây và trong các ấn phẩm phân tích hàng loạt những công bố đầy tính kích động về chủ đề “mối đe dọa Trung Quốc”, tất nhiên,

trong đó, cũng có chỗ cho những “cảnh báo thân thiện” của các nước phương Tây cho Liên bang Nga rằng mối đe dọa của Trung Quốc là đặc biệt nguy hiểm đối với nước Nga. Đặc biệt, có nhận định cho rằng “Trung Quốc, đang nhanh chóng mở rộng phạm vi ảnh hưởng ở Trung Á và Viễn Đông là thách thức thật sự đối với Nga”⁽²⁵⁾.

Nhiều chuyên gia hàng đầu của Nga và phương Tây đã đúng khi lưu ý sức mạnh kinh tế ngày càng tăng của Trung Quốc có thể trở thành công cụ chính trị để Trung Quốc tạo dựng khu vực ảnh hưởng của mình⁽²⁶⁾. Rất khó có thể đánh giá mức độ của vùng ảnh hưởng giả thuyết này, nhưng các chuyên gia uy tín cho rằng, “Trung Quốc muốn khôi phục ảnh hưởng tại các nước láng giềng trong phạm vi của đế quốc Trung Hoa. Đó là bán đảo Triều Tiên, Việt Nam, bán đảo Đông Dương cho tới khu vực Đông Nam Á. Tham vọng quân sự toàn cầu của Trung Quốc là nhỏ hơn so với của nước Nga, mặc dù Trung Quốc nỗ lực hơn Nga để trở thành thủ lĩnh ở châu Á”⁽²⁷⁾.

Sự tăng trưởng của Trung Quốc trong thập kỷ gần đây đã củng cố niềm tin cho một số đại diện của giới chuyên gia nước này vào ưu thế của Trung Quốc. Đoạn trích sau đây rất tiêu biểu cho quan điểm đó: “Thặng dư thương mại khổng lồ hiện nay của chúng ta cho thấy hiệu quả quản lý của chúng ta cao hơn so với ở các nước khác. Với người Trung Quốc, nguồn tài nguyên thế giới sẽ được phân phối và sử dụng tốt hơn... Tính theo những thành tựu thực tế trong lịch sử văn minh, người Trung Quốc còn thành công hơn những người Do Thái ... Vì vậy, chúng ta phải có thanh kiếm trong tay để buôn bán,

chúng ta muốn tiến hành một cuộc chiến thương mại, chứ không phải là một cuộc chiến thực sự, nhưng để thực hiện tốt cuộc chiến thương mại trong tay chúng ta nhất định phải có một thanh kiếm”⁽²⁸⁾.

Một chuyên gia Mỹ tin rằng, “sự khác biệt chính giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ ở Đông Nam Á là Trung Quốc có một chiến lược rõ ràng trong khu vực, còn Mỹ thì không”⁽²⁹⁾. Tuy nhiên, sự tuyên truyền này không có những cơ sở thực tế. Lâu nay, tại Hoa Kỳ người ta thường tưởng tượng ra sự phản ứng đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Còn nhiều nhà phân tích nổi tiếng và chuyên môn cao của Mỹ đã vội vàng phát triển các kịch bản kiểm chế Trung Quốc.

Với quy mô của Trung Quốc và sự hiện diện của vũ khí hạt nhân người ta không bàn đến một phương án giản đơn của bất kỳ sự va chạm nào giữa Hoa Kỳ với Trung Quốc, mà ngay từ đầu vấn đề chỉ bàn về những thao tác tinh tế hơn, nhờ đó, bằng bàn tay của người khác Hoa Kỳ có thể đạt được mục đích của mình. Samuel Huntington đã phát triển và công bố một trong những kịch bản nguy hiểm nhất. Theo quan điểm của Mỹ, Ông đề xuất phương án khởi đầu cuộc Thế chiến thứ III tại khu vực Đông Á. Phương án này được công bố trong cuốn sách giật gân “Sự đụng độ giữa các nền văn minh”, từ một cuộc xung đột cục bộ tại Việt Nam. “Sự xuất hiện của Trung Quốc với tư cách là thế lực thống trị tại khu vực Đông và Đông Nam Á sẽ là trở lực đối với lợi ích của Mỹ theo cùng một kiểu như thường đã được giải thích.

Với những lợi ích của Mỹ thì làm thế nào có thể phát động được một cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Trung Quốc? Cứ cho rằng bây

giờ là năm 2010. ... Các công ty của Mỹ đang khai thác các mỏ dầu ở Biển Đông chủ yếu dưới sự bảo trợ của Trung Quốc với tốc độ nhanh chóng, nhưng một số khu vực riêng biệt lại nằm dưới sự kiểm soát của Việt Nam. Với những khả năng triển khai lực lượng mới của mình, sự tự tin của Trung Quốc sẽ ngày càng tăng và Trung Quốc tuyên bố thiết lập toàn quyền kiểm soát trên vùng biển này (Trung Quốc luôn tranh chấp chủ quyền đối với vùng biển này). Việt Nam sẽ chống lại và các cuộc giao tranh giữa tàu chiến Trung Quốc và Việt Nam bắt đầu. Để rửa nỗi nhục năm 1979, người Trung Quốc tràn sang Việt Nam..., lực lượng bộ binh Trung Quốc tiến vào và chiếm đóng phần lớn đất đai Việt Nam⁽³⁰⁾.

Nhất định Hà Nội phải quan tâm đến cách tiếp cận này, chưa kể Việt Nam còn nhớ rất rõ Samuel Huntington từ thời chiến tranh Đông Dương lần thứ hai.

Hoạt động chính sách đối ngoại của Mỹ trong khu vực Đông Nam Á

Chính phủ Hoa Kỳ đã tiến hành các bước thực tế nào để cân bằng tình thế ở Đông Nam Á, đặc biệt là xung quanh vấn đề Biển Đông. Điều này đặc biệt cấp thiết trong bối cảnh của các hoạt động mà Bắc Kinh tiến hành gần đây để giải quyết các vấn đề tranh cãi tại Biển Đông. Hoạt động này làm các nước trong khu vực Đông Nam Á rất lo lắng, và để đối trọng với ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc một số nước đã viện tới sự trung gian của Hoa Kỳ, nước có thể giải quyết nhiệm vụ này một cách chuyên nghiệp cao và đương nhiên điều này, làm Bắc Kinh không giấu nổi sự bất bình.

Mức độ nghiêm trọng của các tranh chấp tại Biển Đông là do ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế và địa chính trị, bởi lẽ người ta cho rằng tại thềm lục địa Biển Đông có trữ lượng lớn dầu và khí đốt, đồng thời chạy qua khu vực này là tuyến đường thương mại chính và tuyến đường trọng điểm vận chuyển dầu từ Trung Đông sang Đông Á, bởi lẽ về tổng thể, mặc dù có nhiều mỏ dầu, nhưng khu vực này vẫn là khu vực nhập khẩu ròng nguyên liệu hydrocarbon. Trong bối cảnh hiện nay, thậm chí trong tương lai xa, việc Trung Quốc hoặc một số nước Đông Nam Á lảng giằng thiết lập quyền kiểm soát trên Biển Đông đều làm Washington quan ngại, bởi lẽ điều đó có thể tạo ra mối đe dọa tiềm năng ảnh hưởng đến các đồng minh lớn của Mỹ trong khu vực với những hậu quả địa chính trị rõ ràng. Bất kỳ một phương án nào nhằm giải quyết tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông đều ảnh hưởng trực tiếp không chỉ đến các quốc gia ven biển, những nước bị lôi kéo trực tiếp vào các cuộc tranh chấp, mà còn đến hầu như toàn bộ khu vực Đông Á.

Vào cuối những năm 1980, khi mức độ nghiêm trọng của vấn đề dầu lửa còn chưa gay gắt như hiện nay, trong trận hải chiến, tại các đảo tranh chấp Hải quân Trung Quốc đã đánh chìm ba tàu chiến của Việt Nam còn các công ty dầu mỏ nước ngoài đã nhận được một cảnh báo rõ ràng không nên ký kết các thỏa thuận thăm dò dầu trên vùng lãnh thổ tranh chấp ở Biển Đông với Việt Nam. Kể từ đó, Trung Quốc không ngừng mở rộng khu vực kiểm soát (trên) thực tế ở Biển Đông. Sự gia tăng căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc trong khu vực sẽ tạo ra cuộc chạy đua vũ trang chưa từng có trong lịch sử

tại khu vực Đông Á. “Theo số liệu của Viện Nghiên cứu Những vấn đề Hòa bình Quốc tế Stockholm, khối lượng vũ khí mua sắm của các nước trong khu vực từ năm 2005 đến năm 2009 đã tăng gấp đôi so với 5 năm trước”⁽³¹⁾. Chuyên gia Nga V.A. Skosyrev lưu ý đến thực tế là “sự tăng cường vị thế của Trung Quốc trong khu vực Đông Á đã làm cho các nước láng giềng lo lắng. Gần đây, lần đầu tiên trong ba thập kỷ qua, Nhật Bản đã tuyên bố sẽ tăng cường hạm đội tàu ngầm của mình. Trước đó, Việt Nam, Singapore và Malaysia đã mua sắm tàu ngầm”⁽³²⁾.

Theo cựu Bộ trưởng Quốc phòng Nhật Bản và Cố vấn an ninh quốc gia Yuriko Koike: “Một nỗi sợ hãi chung đã xuất hiện tại châu Á cho rằng, Trung Quốc đang tìm cách sử dụng sức mạnh hàng hải ngày càng mạnh không chỉ để thống trị vùng biển giàu tài nguyên hydrocarbon tại Biển Đông, mà còn để kiểm soát các tuyến đường biển hiện đang là những tuyến nhộn nhịp nhất trên thế giới. Vì vậy, tin tức về việc bà Clinton tăng cường chú trọng đối với an ninh hàng hải của Mỹ tại các vùng biển xung quanh Trung Quốc, trực tiếp tham gia các cuộc tập trận hải quân và không quân chung với Hàn Quốc ngoài khơi bờ biển phía Đông của bán đảo Triều Tiên, đã được các nước đón nhận. Ngoài ra, quan hệ quân sự giữa Mỹ và các đơn vị tinh nhuệ nhất của các lực lượng vũ trang Indonesia - bị đình chỉ trong nhiều thập kỷ - đã được khôi phục trong chuyến công du châu Á của bà Clinton”⁽³³⁾.

Mùa xuân năm 2010, Bắc Kinh tuyên bố Biển Đông, là "khu vực lợi ích cốt lõi" có

nghĩa là Bắc Kinh quan tâm đặc biệt đến các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tại Biển Đông ngang với các vấn đề Tây Tạng và Đài Loan. Cách tiếp cận này đã làm các quốc gia có liên quan tại Đông Nam Á lo lắng, đặc biệt là Việt Nam và Philippines, vì hai nước sẽ vô cùng khó khăn trong việc giải quyết những vấn đề này với Trung Quốc theo nguyên tắc song phương.

Nhằm giảm bớt vai trò nhân tố Trung Quốc trong tranh chấp về vấn đề Biển Đông “Hillary Clinton đề nghị Mỹ hỗ trợ xây dựng cơ chế hòa giải quốc tế nhằm giải quyết những tuyên bố chồng chéo về chủ quyền tại Biển Đông giữa Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Việt Nam, Indonesia và Malaysia. Đối với Trung Quốc, sự can thiệp của bà Clinton là một cú sốc”⁽³⁴⁾.

Trong bối cảnh ảnh hưởng khu vực của Trung Quốc gia tăng, tại Việt Nam người dân vô cùng lo lắng nhớ lại rất nhiều cuộc chiến tranh trước kia với Trung Quốc bắt đầu từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Hơn hai ngàn năm qua, tại Việt Nam có một quy luật lịch sử nhất định: Mỗi khi Trung Quốc ổn định và tăng trưởng thì Việt Nam lại phải đối đầu với cuộc xâm lược tàn phá từ phía Bắc. Ký ức lịch sử nêu rõ “làm bạn với anh em xa chống láng giềng gần”, theo đó Hoa Kỳ có thêm cơ hội lợi dụng tình thế có lợi cho mình.

Về phần mình, Bắc Kinh cũng luôn thận trọng theo dõi các hoạt động của Hoa Kỳ tại biên giới phía Nam. Rõ ràng, việc sử dụng khéo léo nhân tố Việt Nam có thể ngăn chặn hoặc đẩy nhanh việc mở rộng chiến lược của Trung Quốc ở phía Nam. Sự phát triển của tình hình theo các phương án khác nhau đang

được nghiên cứu, không chỉ ở Washington, Bắc Kinh, Hà Nội và Moscow. Các nhà quan sát hữu quan quan tâm đến tình hình địa chính trị đang hình thành, nghi ngờ lẫn nhau và diện mạo tương lai giữa các đồng minh và đối thủ tiềm năng như thế nào vẫn chưa rõ ràng. Nhưng có một điều hiển nhiên là, đang có một “cuộc chiến giành Việt Nam”⁽³⁵⁾.

Một trong những vấn đề cấp bách nhất hiện nay trong chính sách đối ngoại của Việt Nam có thể là: Làm thế nào để đối phó với một số nước Đông Nam Á đang ngả dần về Bắc Kinh? Do vậy, có thể có ba phương án thực tiễn cho các giải pháp: Thân với Trung Quốc chống lại Hoa Kỳ, thân với Hoa Kỳ chống lại Trung Quốc, vận động khéo léo giữa hai trung tâm quyền lực này. Với bất kỳ phương án nào thì khả năng Việt Nam trở thành nạn nhân của chính sách toàn cầu theo kịch bản Afghanistan là rất cao. Vì vậy, cần lưu ý rằng, đối với Việt Nam thì “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, mà nhân dân Việt Nam đã rất vất vả mới đạt được, vì vậy theo đuổi chính sách đối ngoại theo Bắc Kinh hay theo Washington đều là mối đe dọa mất chủ quyền. Với những bài học lịch sử, thì quốc gia lân bang sẽ là quốc gia nguy hiểm hơn. Hà Nội thường theo đuổi một chiến lược vận động khéo léo giữa các cường quốc, ở cấp độ khu vực, Việt Nam cố tiến hành chính sách mềm mỏng hơn đối với các nước yếu hơn trên bán đảo Đông Dương. Kết quả quyết định của Hà Nội sẽ có hậu quả sâu rộng không chỉ đối với khu vực Đông Nam Á, mà còn cho toàn bộ khu vực Đông Á.

Trong chuyến thăm mùa hè sang Việt Nam, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã thảo luận về các vấn đề quan trọng trong khu

vực. Đây là đánh giá kết quả chuyến thăm của chuyên gia Nhật Bản có uy tín: “Chuyến thăm của bà Clinton đã đưa ra một tín hiệu rất rõ ràng rằng, nước Mỹ chưa sẵn sàng chấp nhận yêu sách bá chủ khu vực của Trung Quốc. Đằng sau hậu trường Hội nghị thượng đỉnh của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tại Hà Nội, bà Hillary Clinton đã chất vấn Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Dương Khiết Trì về yêu sách chủ quyền quần đảo Trường Sa ở Biển Đông của Bắc Kinh vào lúc này là "lợi ích cốt lõi." Theo định nghĩa này, Trung Quốc coi các đảo (Việt Nam và Philippines đang tranh chấp quyền chiếm hữu) như một phần của lục địa giống như Tây Tạng và Đài Loan, coi bất kỳ sự can thiệp từ bên ngoài nào đều là điều cấm kỵ”⁽³⁶⁾.

Mùa hè năm 2010 cũng ghi nhận dấu ấn gia tăng hoạt động quân sự của Hoa Kỳ, nước đã tổ chức tập trận với Hàn Quốc và Việt Nam gần vùng lãnh hải của Trung Quốc. Washington bắt đầu tích cực hơn quan hệ với các nước e ngại ảnh hưởng ngày càng tăng của Bắc Kinh trong khu vực. Theo A.V. Fenenko “Bắc Kinh coi sự gia tăng hoạt động quân sự của Mỹ trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương là nỗ lực của Nhà Trắng can thiệp vào tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc với các nước láng giềng”⁽³⁷⁾.

Theo logic gia tăng ngoại vi để kiểm chế hoàn toàn thích hợp với chính sách lôi kéo Việt Nam của Washington. Gần đây, các cuộc tiếp xúc ở các cấp độ khác nhau giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tăng lên đáng kể. Và thậm chí đã diễn ra những sự kiện ấn tượng như lần đầu tiên kể từ sau chiến tranh Đông

Dương lần thứ hai (1964-1975) tàu sân bay Mỹ đã đến thăm Việt Nam. Trong bối cảnh này, thì các cuộc phỏng vấn các quân nhân Mỹ gốc Việt của báo giới Việt Nam là rất ấn tượng. Washington cũng tích cực mở rộng hợp tác hạt nhân với Hà Nội. Trong chuyến thăm của bà Hillary Clinton, hai bên đã thảo luận về khả năng các công ty Mỹ tham gia xây dựng các nhà máy điện hạt nhân ở Việt Nam, hai bên cũng tiến hành đàm phán về việc Mỹ chuyển giao nhiên liệu hạt nhân và công nghệ cho Việt Nam, điều này giúp Việt Nam tự làm giàu uranium cho mục đích dân sự⁽³⁸⁾.

Trong một bài viết của mình, Đô đốc Hải quân đã nghỉ hưu, nguyên chỉ huy trưởng Hạm đội Thái Bình Dương của Hoa Kỳ và là đại diện quân sự cấp cao của Mỹ tại Liên hợp quốc, James Lyons đã đánh giá chiến lược hiện nay của Trung Quốc ở Đông Á : “Trung Quốc có ý định đẩy Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Ấn Độ và các nước ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Nam Á) vào tình trạng lệ thuộc chiến lược (strategic subordination) và tiêu diệt nền dân chủ ở Đài Loan... bắt đầu từ năm 2020 Trung Quốc sẽ thách thức sự thống trị quân sự toàn cầu của Mỹ”⁽³⁹⁾. Nói chung, bài viết đã sử dụng rất nhiều thuật ngữ mang tính ý thức hệ thời kỳ chiến tranh lạnh. Đặc biệt, còn khẳng định: “Tổ chức Hợp tác Thượng Hải là liên minh của các chế độ độc tài”⁽⁴⁰⁾. Để chống lại “sự xâm lược Cộng sản của Trung Quốc” tại châu Á, Hoa Kỳ “cần thể hiện cho thế giới biết rằng những nguy cơ Cộng sản không thể đe dọa nổi nền dân chủ hàng đầu thế giới”⁽⁴¹⁾ và Mỹ sẵn sàng hợp tác ngay cả với những người cộng sản Việt Nam, kể cả việc chuyển

giao công nghệ hạt nhân dân sự. Có thể, bằng cách này, Hoa Kỳ đang cố gắng cân bằng với các lực lượng hạt nhân "thân Trung Quốc" của Bình Nhưỡng ở phía Bắc, bằng việc xây dựng tại phía Nam "mặt trận chiến lược phía Đông" một đối trọng hạt nhân khu vực chống lại chính sách "hiếu chiến" của Trung Quốc?

Ngày 22-11-2011, tại Đại hội đồng lần thứ 8 của Hội đồng hợp tác an ninh châu Á-Thái Bình Dương (CSCAP), Đại sứ Mỹ tại Việt Nam David Sher nhấn mạnh rằng không thể có chuyện Hoa Kỳ kiềm chế Trung Quốc và rằng đây là một giải thích sai lầm về những ý định của Washington. Tuy nhiên, một số sự kiện lại mâu thuẫn với những tuyên bố chính trị. Mới đây Barack Obama tuyên bố Quan hệ đối tác xuyên Thái Bình Dương mà nhiều chuyên gia cho là một đối thủ cạnh tranh với Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN. Tổng thống Mỹ còn tuyên bố tăng cường các căn cứ quân sự Mỹ và triển khai thêm các căn cứ quân sự mới (thí dụ như tại Úc) cũng như tăng ngân sách cho các lực lượng quân sự Mỹ tại Thái Bình Dương trong khi cắt giảm chi tiêu quân sự trong các khu vực khác trên thế giới. Mặc dù còn nhiều câu hỏi về vấn đề này và những vấn đề khác của những người tham gia hội nghị, nhưng ngài Đại sứ từ chối trả lời, viện lý do bận việc và rời khỏi phòng họp.

So với thời kỳ Xô-viết, vai trò của Nga trong khu vực Đông Á bị giảm đi đáng kể. Sau những "cải cách" vào những năm 1990, Nga vẫn còn quá yếu để tham gia vào cuộc chiến bảo vệ lợi ích và ảnh hưởng của mình thậm chí chỉ ở khu vực Đông Nam Á. Mặc

dù những chỉ tiêu kim ngạch thương mại với khu vực còn rất khiêm tốn, nhưng hiện tại vẫn còn nhiều khả năng thay đổi cán cân quyền lực trong khu vực bằng cách tổ chức cung cấp hệ thống vũ khí tấn công hay phòng thủ tiên tiến.

*
* *

Tạm thời, có thể kết luận rằng, lần đầu tiên kể từ cuộc khủng hoảng năm 1997-1998, Hoa Kỳ đã thành công trong việc tham gia tích cực vào các trò chơi địa chính trị trong khu vực. Một số chính trị gia và chuyên gia châu Á cho rằng, nếu những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính 1997-1998 do Hoa Kỳ phát động đã được Bắc Kinh lợi dụng để triển khai dự án xây dựng một Đông Nam Á thân Trung Quốc, thì hiện nay có thể thấy rằng, những áp lực gia tăng từ Bắc Kinh đối với các nước nhỏ Đông Nam Á về vấn đề Biển Đông, làm cho các quốc gia này lo lắng đến mức Hoa Kỳ có thể lợi dụng tình hình một cách khôn ngoan với việc ủng hộ các nước "nhỏ và bị áp bức". Bằng cách này, Hoa Kỳ có thể tham gia một cách khôn khéo vào các cuộc đối thoại về các vấn đề an ninh khu vực thậm chí sau này có thể thành lập một liên minh các nước bất mãn và lợi dụng họ nhằm thực hiện chính sách truyền thống kiềm chế những tham vọng ngày càng tăng của Trung Quốc. Chuyến viếng thăm mùa hè của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton tới châu Á là nhằm giải quyết những nhiệm vụ này, trong đó Hoa Kỳ đã đẩy mạnh các mối quan hệ theo tuyến mặt trận chiến lược phía Đông thời kỳ chiến tranh lạnh. Đó là lý do tại sao những lời lẽ chống Trung Quốc trên bán đảo

Triều Tiên, ở Nhật Bản, Đài Loan và, tất nhiên ở cả Việt Nam lại mạnh mẽ như vậy, và đây có thể là những điều kiện thuận lợi khi gia nhập liên minh. Với khuôn khổ được tăng cường đáng kể so với thời gian chiến tranh lạnh, mặt trận chiến lược trung tâm cũng sẽ được đẩy mạnh hơn theo hướng Tây-Bắc Trung Quốc.

CHÚ THÍCH:

- (1) Вандам А.Е. Наше положение. // Восток и Запад против России. Неуслышанные пророки грядущих войн. М., 2004. С. 90.
- (2) Brzezinski Z. The Sino-Soviet Bloc and Three Central Strategic Fronts // The Grand Chessboard: American Primacy and Its Geostrategic Imperatives, 1997. P. 31.
- (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9) Ibid. P. 39, P.30, P.31, P.6, P.7
- (10) Map by Brzezinski Z. The Sino-Soviet Bloc and Three Central Strategic Fronts // The Grand Chessboard: American Primacy and Its Geostrategic Imperatives, 1997. P. 7.
- (11) Шубин В.В. Кампучия: суд народа. М., Юридическая литература. 1980. С. 13, 118-141.
- (12) Clymer K.J. The United States and Cambodia, 1969-2000: a troubled relationship. Routledge Curzon. NY, 2004. P.110.
- (13), (14) Ibid. P.118.
- (15) McNamara R.S. In retrospect. The tragedy and lessons of Vietnam. Times books. NY. 1995. P. 321.
- (16) Brzezinski Z. The Grand Chessboard: American Primacy and Its Geostrategic Imperatives, 1997. P.7.
- (17) Сорос Дж. Реформируя глобальный капитализм. М., 2001. С. 285.
- (18) Кобяков А.Б., Хазин М.Л. Закат империи доллара и конец «Рах Americana». М., 2003. С. 312.
- (19), (20) Там же. С. 315, С.307.
- (21) Мосяков Д.В. Некоторые аспекты китайской современной политики в Юго-

Восточной Азии // Юго-Восточная Азия в 2003 г. Актуальные проблемы развития. М., 2004. С. 15.

(22) Там же. С. 15.

(23) «... three grand imperatives of imperial geostrategy are to prevent collusion and maintain security dependence among the vassals, to keep tributaries pliant and protected, and to keep the barbarians from coming together.» Brzezinski Z. The Grand Chessboard: American Primacy and Its Geostrategic Imperatives, 1997. P. 40.

(24) Каплан Р. География китайской мощи <http://www.globalaffairs.ru/number/Geografiya-kitaiskoi-moschi-14959>

(25) Бистон Р. Назад в СССР? Это еще бабушка надвое сказала. ("The Times", Великобритания). <http://www.inosmi.ru/politic/20101013/163571671.html>

(26) Пушков А.К. Китай успешно создает свою собственную зону влияния // <http://www.oko-planet.su/politik/politikmir/28980-aleksej-pushkov-kitaj-uspeshno-sozdaet-svoyu.html>

(27) Ломанов А.В. Внимание России и Китая обращено в одну сторону // <http://www.globalaffairs.ru/articles/10195.html>

(28) Цит по: Лукин А. «Китайская мечта» и будущее России. <http://www.globalaffairs.ru/number/Kitaiskaya-mechta-i-budushee-Rossii-14857>

(29) Bower E.Z. China's activities in Southeast Asia and implications for U.S. interests. Statement before the U.S.-China Economic & Security Review Commission. P. 3. http://csis.org/files/100204_bower_testimony.pdf

(30) Huntington S. The Clash of Civilizations. New York. Simon and Schuster, 1996. P. 312-313.

(31) Скосырев В.А. Соседи Китая вооружаются чем могут. Американские военные возвращаются во Вьетнам 2010-08-10 / http://www.ng.ru/world/2010-08-10/7_vietnam.html

(32) Скосырев В.А. США вмешались в спор Китая с соседями. Вашингтон ищет новых партнеров в Юго-Восточной Азии. 2010-07-28 / http://www.ng.ru/world/2010-07-28/5_china_usa.html

(33) Yuriko Koike. Hillary's Kissinger Moment // <http://www.project-syndicate.org/commentary/koike8/English>

(34) Ibid.

(35) Kolotov V.N. Main Trends of Russia's Foreign Policy in Transforming East and Southeast Asia // Brookings Northeast Asia Commentary | Number 18 https://www.brookings.edu/opinions/2008/04_asia_kolotov.aspx

(36) Yuriko Koike. Hillary's Kissinger Moment // <http://www.project-syndicate.org/commentary/koike8/English>

(37) Фененко А.В. Дальневосточная стратегия Вашингтона. Американо-китайские противоречия создают трудности для российского Дальнего Востока // http://www.ng.ru/politics/2010-09-01/3_kartblansh.html

(38) Solomon Jay. U.S., Hanoi in Nuclear Talks. Vietnam Plan to Enrich Uranium May Undercut Nonproliferation Efforts, Rile China // The Wall Street Journal.

http://online.wsj.com/article/SB10001424052748704741904575409261840078780.html?mod=WSJ EUROPE_hpp_LEFTTopStories

(39), (40), (41) Lyons J.A. LYONS: Countering China's aggression. Communist dictatorship presents trouble in Asia and abroad // The Washington Times. <http://www.washingtontimes.com/news/2010/oct/18/countering-chinas-aggression/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bower E.Z. China's activities in Southeast Asia and implications for U.S. interests. Statement before the U.S.-China Economic & Security Review Commission. http://csis.org/files/100204_bower_testimony.pdf

2. Brzezinski Z. The Grand Chessboard: American Primacy and Its Geostrategic Imperatives, 1997.

3. Clymer K.J. The United States and Cambodia, 1969-2000: a troubled relationship. Rutledge Curzon. NY, 2004. <http://online.wsj.com/article/SB10001424052748704741904575>

409261840078780.html?mod=WSJEUROPE_hpp_LEFTTopStories

4. Huntington S. The Clash of Civilizations. New York. Simon and Schuster, 1996.

5. V.N. Main Trends of Russia's Foreign Policy in Transforming East and Southeast Asia // Brookings Northeast Asia Commentary | Number 18. https://www.brookings.edu/opinions/2008/04_asia_kolotov.aspx

6. Lyons J.A. LYONS: Countering China's aggression. Communist dictatorship presents trouble in Asia and abroad // The Washington Times. <http://www.washingtontimes.com/news/2010/oct/18/countering-chinas-aggression/>

7. McNamara R.S. In retrospect. The tragedy and lessons of Vietnam. Times books. NY. 1995.

8. Solomon Jay. U.S., Hanoi in Nuclear Talks. Vietnam Plan to Enrich Uranium May Undercut Nonproliferation Efforts, Rile China // The Wall Street Journal.

9. Yuriko Koike. Hillary's Kissinger Moment // <http://www.project-syndicate.org/commentary/koike8/English>

10. Бистон Р. Назад в СССР? Это еще бабушка надвое сказала. (Beeston R. Trở lại Liên Xô? Từ thời bà ngoại đã từng nói thế) ("The Times", Великобритания). <http://www.inosmi.ru/politic/20101013/163571671.html>

11. Вандам А.Е. Наше положение. // Восток и Запад против России. Неуслышанные пророки грядущих войн. М., 2004. (Vandam A.E. Vị thế của chúng ta. / Phương Đông và phương Tây chống nước Nga. Những tiên đoán chưa từng nghe về các cuộc chiến tranh trong tương lai. М., 2004

12. Каплан Р. География китайской мощи (Kaplan R. Địa lý quyền lực Trung Quốc) <http://www.globalaffairs.ru/number/Geografiya-kitaiskoi-moschi-14959>

13. Кобяков А.Б., Хазин М.Л. Закат империи доллара и конец «Pax Americana». М., 2003. (Kobiakov A.B., M.L. Hazin. Buổi hoàng hôn của đế chế đô la và sự kết thúc của «Pax Americana»)

14. Ломанов А.В. Внимание России и Китая обращено в одну сторону (Lomanov A.V. Nga và Trung Quốc cùng chú ý sang một hướng) // <http://www.globalaffairs.ru/articles/10195.html>

15. Лукин А.В. «Китайская мечта» и будущее России. (A.V. Lukin "Giấc mơ Trung Quốc" và tương lai của Nga) <http://www.globalaffairs.ru/number/Kitaiskaya-mechta-i-buduschee-Rossii-14857>

16. Мосяков Д.В. Некоторые аспекты китайской современной политики в Юго-Восточной Азии // Юго-Восточная Азия в 2003 г. Актуальные проблемы развития. М., 2004. (Mosyak D.V. Một số khía cạnh của chính trị đương đại của Trung Quốc ở Đông Nam Á // Đông Nam Á năm 2003. Những vấn đề sự phát triển cấp bách).

17. Пушков А.К. Китай успешно создает свою собственную зону влияния (Pushkov A.K. Trung Quốc xây dựng thành công khu vực ảnh hưởng của mình // <http://www.oko-planet.ru/politik/politikmir/28980-aleksej-pushkov-kitaj-ushpeshno-sozdaet-svoyu.html>

18. Скосырев В.А. Соседи Китая вооружаются чем могут. Американские военные возвращаются во Вьетнам 2010-08-10 / (Skosyrev V.A. Các nước láng giềng của Trung Quốc vũ trang bị bằng mọi thứ có thể. Quân đội Mỹ trở lại Việt Nam) http://www.ng.ru/world/2010-08-10/7_vietnam.html

19. Скосырев В.А. США вмешались в спор Китая с соседями. Вашингтон ищет новых партнеров в Юго-Восточной Азии. 2010-07-28 / (Skosyrev V.A. Hoa Kỳ can thiệp vào tranh chấp giữa Trung Quốc với các nước láng giềng. Washington đang tìm kiếm đối tác mới ở Đông Nam Á) http://www.ng.ru/world/2010-07-28/5_china_usa.html

20. Сорос Дж. Реформируя глобальный капитализм. М., 2001. (George Soros Cải cách tư bản toàn cầu)

21. Фененко А.В. Дальневосточная стратегия Вашингтона. Американо-китайские противоречия создают трудности для российского Дальнего Востока (Fenenko A.V. Chiến lược Viễn Đông của Washington. Mâu thuẫn Mỹ-Trung Quốc gây khó khăn cho vùng Viễn Đông của Nga) // http://www.ng.ru/politics/2010-09-01/3_kartblansh.html

22. Шубин В.В. Кампучия: суд народа. М., Юридическая литература. 1980. (Vladimir Shubin. Campuchia: tòa án của nhân dân)